

Chiếc thuyền không đáy và hành trình buông bỏ bản ngã

ISSN: 2734-9195

14:41 19/05/2025

Chiếc thuyền không đáy là hình ảnh của tâm không trụ – “vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” như lời Phật dạy trong Kinh Kim Cang. Khi không còn nơi bám víu, không còn ý niệm về một cái tôi cần bảo vệ, thì mọi hiện tượng đều được thấy đúng như thật.

Tác giả: **Liên Tịnh**

Trong hồi thứ 98 của Tây Du Ký (1), sau hành trình dài đầy gian nan, thầy trò Đường Tăng cuối cùng cũng đến được một khúc sông lớn, nơi được gọi là “sông vô độ” – dòng sông cuối cùng trước khi đặt chân đến Linh Sơn để thỉnh kinh. Tại đây, họ gặp một người lái đò kỳ lạ xuất hiện và đề nghị đưa qua sông bằng một chiếc thuyền không đáy.

Đường Tăng nhìn thấy chiếc thuyền, lập tức kinh hoàng từ chối vì tin rằng thuyền không có đáy thì sao có thể nổi trên mặt nước, huống gì là chở người qua sông. Trong khi đó, Tôn Ngộ Không với tuệ nhãn đã nhận ra người lái đò chính là Bảo Tràn Quang Vương Phật, một vị Phật có nhiệm vụ tiếp dẫn người tu hành vượt qua sông sinh tử.

Không đợi sư phụ thuyết phục được chính mình, Ngộ Không xô Đường Tăng lên thuyền – một hành động tưởng chừng bất kính nhưng đầy trí tuệ. Khi thuyền trôi giữa dòng, Đường Tăng kinh ngạc nhìn thấy một xác chết trôi lênh bênh trên nước, mang hình dáng giống hệt ông.

Trong hồi này, chiếc thuyền không đáy hiện lên như một biểu tượng huyền nhiệm, vừa ngược dòng lý trí thường tình, vừa soi chiếu con đường tâm linh vượt thoát bản ngã. Đây không chỉ là câu chuyện thần thoại, mà còn là một thông điệp sâu xa về giác ngộ, vô ngã và niềm tin vào Phật pháp.



Hình ảnh minh họa. Ảnh sưu tầm.

Chiếc thuyền nghịch lý - cánh cửa của chân lý

Theo logic thông thường, một chiếc thuyền không có đáy sẽ chìm ngay khi chạm nước. Thế nhưng trong tác phẩm hư cấu, chiếc thuyền ấy lại nổi và đưa thầy trò Đường Tăng vượt qua con sông dữ, tượng trưng cho biển khổ luân hồi. Sự nghịch lý ấy hé lộ cốt lõi của tư tưởng Phật giáo: chân lý tối hậu thường vượt ngoài khuôn khổ lý trí và kinh nghiệm đời thường.

Trong giáo lý nhà Phật, khi cái thấy còn bị trói buộc vào hình tướng và quy ước thế gian, thì sự thật rốt ráo vẫn mãi là điều bị che khuất. Cũng như chiếc thuyền có đáy vốn tượng trưng cho tâm còn mang chứa, còn mang nặng vọng tưởng, ý niệm, chấp thủ và ngã kiến. Nó mang thì phải nặng. Nặng thì phải chìm.

Trái lại, chiếc thuyền không đáy là biểu tượng cho nội tâm hoàn toàn buông xả – nơi không còn giữ lại bất kỳ vọng tưởng nào, không còn nơi cho phiền não trụ lại, không còn dung chứa ý niệm “ngã” và “ngã sở” (ta và của ta). Trong trạng thái ấy, chiếc thuyền trở nên “rỗng” như chính pháp tính – rỗng nhưng không hư vô, nhẹ mà không mất đi lực chuyên chở. Đó là tâm không trụ, là bát-nhã ba-la-mật-đa, là chiếc bè trí tuệ đưa hành giả vượt qua bờ mê mà không bị vướng mắc.

Trong Kinh Kim Cang dạy: “*Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.*” – Hãy khởi tâm mà không trụ vào đâu cả.

Kinh Bát Nhã Tâm Kinh dạy: *“Tâm không ngại ngữ, vô khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.”*

Cũng như vậy, khi tâm đã *“không đáy”* – không đáy như hư không, thì không còn gì để chìm nữa. Không có đáy nên không mang theo quá khứ. Không chứa nên không nặng. Không trụ nên không vương. Cái thuyền kỳ lạ ấy, trong con mắt tỉnh thức, không còn là điều phi lý, mà chính là biểu hiện sống động của Pháp thân thanh tịnh – thuyền vượt sông sinh tử không phải bằng cấu tạo vật lý, mà bằng chân tâm vô ngại.

Đó cũng là lý do tại sao, chỉ những ai buông được cái tôi, buông được lý trí phân biệt, buông cả sự kiểm soát và sợ hãi, mới có thể bước lên thuyền. Người còn *“tôi”*, còn *“muốn nắm”*, còn *“sợ mất”*, thì không thể tin vào một điều vượt ngoài nhãn kiến thông thường.

Chiếc thuyền không đáy, vì vậy, không chỉ là một biểu tượng văn học, mà còn là một phương tiện giáo hóa sâu sắc của tư tưởng Phật giáo: chân lý chỉ đến với người đã không còn giữ gì, không còn mang gì, không còn trụ gì. Và khi ấy, giữa biển khổ mênh mê, tâm người ấy sẽ nổi lên như sen giữa bùn – không nhờ ván gỗ, mà nhờ sức nhẹ của từ bi và trí tuệ đã thành tựu.



Hình ảnh minh họa. Ảnh sưu tầm.

Biển khổ - chiếc bóng của nội tâm chưa thuần hóa

Con sông mà thầy trò Đường Tăng phải vượt không đơn thuần là một trở ngại địa lý, mà còn là hiện thân sống động của khổ đế – chân lý đầu tiên trong Tứ diệu đế. Đó là dòng sông mang theo sắc màu u ám của vô minh, dục vọng, và ngã chấp, nơi những cơn sóng ngầm của tham – sân – si không ngừng khuấy động mặt nước tâm, tạo thành lớp sóng sinh tử miên viễn. Mỗi con sóng không chỉ là một biểu tượng trừu tượng, mà là hiện thân cụ thể của nội tâm chưa được thuần hóa – một cái tâm còn bị lôi kéo bởi dục vọng, phản ứng, và sự cố thủ vào "ngã sở".

Chính dòng sông ấy là phép thử cuối cùng cho người tu: không phải thử thách bằng gươm đao hay ác quỷ bên ngoài, mà là sự đụng độ trực tiếp với bóng tối bên trong chính mình. Bởi vượt sông không chỉ là hành vi vật lý, mà là một sự đầu hàng toàn diện của bản ngã trước chân lý.

Trong ánh nhìn Phật học, đây là biểu hiện cuối cùng của ngã ái và ngã chấp – những yếu tố tinh vi bậc nhất, bám rễ sâu trong tâm thức con người. Và chỉ khi chạm đến tận cùng của sợ hãi ấy, người hành giả mới có thể thực sự thấy rõ: khổ đau không nằm ở dòng sông, mà nằm ở tâm còn muốn trụ vào một điều gì đó.

Do đó, chiếc thuyền kỳ lạ kia – với hình thức phi lý và bất an – lại chính là lời mời của giải thoát, một cánh cửa mà chỉ người dám buông mới có thể bước qua. Như Kinh Lăng Nghiêm từng dạy: *"Tâm không trụ nơi đâu, mới thấy được tính chân thật của mình."*

Và như vậy, để thực sự vượt qua dòng sinh tử, không phải là phải mạnh mẽ, mà là phải buông xả. Không phải kiểm soát nhiều hơn, mà là học cách tin tưởng vào một nền tảng sâu hơn cả lý trí – niềm tin vào Pháp, vào con đường tỉnh thức, vào bản tâm thanh tịnh vốn sẵn có nơi mỗi con người.



Hình ảnh minh họa. Ảnh sưu tầm.

Ngộ Không - trí tuệ phá vỡ vòng kiểm soát

Giữa lúc ấy, Tôn Ngộ Không, biểu tượng của trí tuệ giác ngộ, đã nhanh chóng nhận ra bản chất thật của người lái đò - không ai khác chính là Bảo Tràn Quang Vương Phật, vị Phật có nhiệm vụ tiếp dẫn chúng sinh vượt sông sinh tử.

Thấy sư phụ còn do dự vì dính mắc, Ngộ Không không tranh luận dài dòng mà thẳng tay xô Đường Tăng lên thuyền. Một hành động tưởng chừng thô bạo, nhưng lại chính là cú hích thức tỉnh. Trong đời sống cũng vậy, đôi khi ta cần một "lực đẩy" từ bên ngoài - một biến cố, một người thầy, hay một cú sốc tinh thần - để rời khỏi vùng an toàn và bước vào đời sống tỉnh thức.

Giữa khoảnh khắc đầy lưỡng lự của Đường Tăng, Tôn Ngộ Không hiện lên như ánh sáng của trí tuệ bát nhã - thứ trí tuệ không còn bị che mờ bởi hình tướng hay tư duy nhị nguyên (2). Ngộ Không không cần nhiều lý luận; với cái nhìn xuyên suốt sớm nhận ra người lái đò kia không phải ai khác, chính là Bảo Tràn Quang Vương Phật - vị Phật thị hiện để tiếp dẫn chúng sinh vượt qua bờ mê sang bến giác. Trong con mắt của kẻ đã từng rũ sạch thân phận yêu ma, đã từng trải qua hàng trăm kiếp nạn để rèn luyện tâm, Ngộ Không không còn bị đánh lừa bởi vẻ bề ngoài hay nghịch lý trước mắt. Đó là cái thấy của người đã nhận ra tính không.

Thấy sư phụ còn dùng dằng trong nỗi sợ, còn do dự vì những vướng mắc vi tế của tâm thức, Ngộ Không không lên tiếng giáo hóa, không giảng pháp, không thuyết phục mà chỉ làm một việc: xô Đường Tăng lên thuyền. Một hành động thô bạo về mặt hình thức, nhưng chính là cú hích tỉnh thức, là tiếng chuông phá tan vỏ bọc an toàn, là lực đẩy của bi trí dũng hợp nhất.

Trong thực hành Phật giáo, có khi lòng từ bi không hiện thân dưới hình ảnh dịu dàng, mà mang hình tướng của sự quyết liệt. Cũng như Bồ tát Văn Thù hiện kiếm bén để chém đứt vô minh, hay Bồ tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng để đạp lên địa ngục tâm thức, Ngộ Không chính là hiện thân của tuệ giác phá vỡ vòng kiểm soát - nơi cái tôi khéo léo ngụy trang thành lý do hợp lý để không buông bỏ.

Và trong đời sống của mỗi người, cũng vậy. Có những thời điểm, ta không thể tự mình bước qua sông mê chỉ bằng suy nghĩ hay lý luận. Chỉ khi một biến cố, một cú sốc xảy ra, xô ta lên thuyền, khiến ta phải đối mặt với sự thật trần trụi về chính mình. Đó có thể là một mất mát, một đổ vỡ, hay một giây phút tuyệt vọng - nhưng nếu được nhìn bằng con mắt tỉnh thức, thì đó không phải là kết thúc, mà là cánh cửa của chuyển hóa.

Tôn Ngộ Không, trong trường đoạn này, không chỉ là hộ pháp bảo vệ Đường Tăng, mà là trí tuệ sống động - trí tuệ biết khi nào cần lặng im, khi nào cần đẩy đi, và biết rằng đôi khi, sự giải thoát đến từ một hành động không dễ chịu, nhưng cần thiết.

Trong ánh sáng Phật pháp, đó là biểu hiện của hạnh "*phá vô minh*" - trí tuệ không chỉ để hiểu, mà còn để thức tỉnh, để giải trừ cố chấp, để thúc đẩy người khác vượt khỏi vùng tâm thức cũ kỹ và can đảm bước vào dòng sống mới: dòng sống không còn bị điều khiển bởi bản ngã, mà được dẫn dắt bởi ánh sáng giác ngộ.

Cái chết của bản ngã - sự tái sinh

Khi chiếc thuyền rời bến, Đường Tăng bàng hoàng nhìn thấy một thầy ma trôi sông, mang hình dáng giống hệt ông. Đó không phải một người khác, mà là "*cái tôi cũ*" - tập hợp của những chấp niệm, ảo tưởng và ngã kiến từng bủa vây tâm thức. Khoảnh khắc ấy, Đường Tăng không còn là người bước lên thuyền với tâm hoang sợ, mà là một bản thể đang chuyển hóa, rũ bỏ lớp vỏ ngã mạn để bước vào tự do nội tại.

Kinh Kim Cang từng dạy: "*Ví như chiếc thuyền, khi đã qua sông rồi thì phải bỏ.*" Chính cái chết tượng trưng kia lại là sự hồi sinh, như con rắn thay da, như hạt giống nứt vỏ để mầm sống mới trỗi dậy.

“Chúc mừng ngài đã qua sông” - lời xác chứng từ chân tâm

Khi thuyền cập bến bờ bên kia, Bảo Tràng Quang Vương Phật và Tôn Ngộ Không cùng chúc mừng: “Ngài đã qua sông.” Đó không chỉ là lời chào sau một cuộc vượt sông vật lý, mà là lời xác nhận một chuyển hóa nội tâm sâu sắc. Đường Tăng đã đi qua một ngưỡng cửa vô hình - nơi bản ngã tan rã, sợ hãi tiêu trừ, và tâm trở về với Phật tính sẵn có.

Từ đây, hành trình sang Tây Trúc không còn chỉ là hành trình địa lý, mà là lộ trình giác ngộ, nơi mỗi bước chân là một bước buông bỏ, mỗi thử thách là một bài học quay về chính mình. Mọi tìm kiếm kết thúc trong sự thanh thoi của buông xả. Giác ngộ không đến từ việc đi đâu, mà đến từ chỗ không còn muốn đi nữa.

Chiếc thuyền không đáy vì thế đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Và câu nói “Ngài đã qua sông” như một lời truyền thừa thâm lặng, đánh dấu sự trưởng thành sâu thẳm của một hành giả: từ người bị nỗi sợ cản bước, đến người đủ tin tâm để buông, đủ trí tuệ để nhìn thấu, đủ từ bi để tiếp tục mà không còn vướng mắc.

Lời kết: Từ thuyền không đáy đến tâm không trụ

Câu chuyện về chiếc thuyền không đáy trong Tây Du Ký chính là tấm gương soi chiếu hành trình nội tâm của mỗi con người trong đời sống hiện thực. Giữa cuộc đời đầy bất an, đổi thay và vô thường, ai trong chúng ta cũng phải vượt qua những dòng sông - sông của thất vọng, của khổ đau, của những biến cố bất ngờ và cả những câu hỏi hiện sinh chưa lời giải.

Và rồi, cũng như Đường Tăng năm xưa, chúng ta sẽ từng lần đối diện với chiếc thuyền không đáy - tượng trưng cho một lựa chọn đầy nghịch lý: buông bỏ thay vì nắm giữ, tin tưởng thay vì kiểm soát, nhảy vào điều vô định thay vì bám chặt vào an toàn giả tạo.

Trong ánh sáng Phật pháp, giải thoát không đến từ việc gia cố cái tôi, mà đến từ lúc cái tôi ấy rơi rụng nhẹ như giọt sương cuối lá, lặng lẽ mà dứt khoát. Cũng như thuyền không đáy không mang gì nên không thể chìm, tâm không trụ vào đâu nên không bị nhấn chìm giữa biển khổ.

Chiếc thuyền không đáy là hình ảnh của tâm không trụ - “*vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” như lời Phật dạy trong Kinh Kim Cang. Khi không còn nơi bám víu, không còn ý niệm về một cái tôi cần bảo vệ, thì mọi hiện tượng đều được thấy đúng

như thật. Và chính trong tâm thế rỗng rang ấy, hành giả có thể nhẹ nhàng vượt sông sinh tử mà không bị cuốn trôi.

Bờ bên kia không ở đâu xa – nó hiện hữu trong từng khoảnh khắc mà tâm ta buông xuống. Khi không còn sợ hãi, không còn chấp thủ, thì mỗi bước chân trên cuộc đời đều là một bước vượt sông. Mỗi ngày sống tỉnh thức là một ngày đang ngồi trên thuyền không đáy – thuyền của vô ngã, của tin sâu nhân duyên, của an trú trong chính niệm.

Và như vậy, điều tưởng chừng nghịch lý lại trở thành chân lý: càng rỗng rang, càng vững vàng; càng buông bỏ, càng tới gần giải thoát. Trong thế giới ấy, chiếc thuyền không đáy là biểu tượng sống động cho một tâm thức đã trở về với chính mình – nơi không níu giữ, bám víu.

***Ý nghĩa Phật học sâu sắc**

Sông vô độ = biển khổ sinh tử

Thuyền không đáy = tâm vô ngã, không trụ chấp

Thấy xác mình = bản ngã cũ bị tiêu trừ

Qua sông = vượt thoát luân hồi

Tác giả: **Liên Tịnh**

Chú thích:

(1) Tác phẩm: Tây Du Ký (西遊記) Tác giả: Ngô Thừa Ân (Ngô Thừa Ân được cho là tác giả truyền thống, mặc dù vẫn còn tranh luận học thuật)

Hồi 98: “Thuyền không đáy đưa qua sông nước – Thân vốn không giúp vượt chốn mê” (Nguyên văn chữ Hán: 舟無底渡水無礙 身本空能渡迷津).

(2) Trong Phật giáo, tư duy nhị nguyên được xem là một dạng vọng tưởng – một cái nhìn phân biệt do tâm thức chưa giác ngộ tạo ra. Bởi vì: “*Khi còn thấy có ta và người, có thiện và ác, có sinh và diệt là còn ở trong thế giới đối đãi – còn ở trong vòng luân hồi*”.

Tư duy nhị nguyên là sản phẩm của phân biệt thức (vijñāna), không thấy được tính Không của các pháp. Nó tạo ra sự chia cắt giữa chủ thể và đối tượng, từ đó dẫn đến chấp ngã, chấp pháp, và mọi khổ đau phát sinh.

Tài liệu tham khảo:

1. Kinh Kim Cang, phẩm 14, bản dịch HT. Thích Trí Tịnh.

2. Tây Du Ký, hồi thứ 98, bản dịch Nguyễn Chí Viễn, NXB Văn học.
3. Biểu tượng trong văn học Phật giáo, TG Nguyễn Kim Sơn (2018), NXB ĐHQG Hà Nội.